

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/DS-ST
Ngày: 14 – 5 – 2021
V/v tranh chấp về hợp đồng dân
sự hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Khon.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Trường Giang là Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ(D), sinh năm 1973.

Địa chỉ cư trú: Số ***, ấp TBH, xã TH, huyện TB, tỉnh ĐT .

- Bị đơn: 1. Ông Phan Văn K, sinh năm 1969.

2. Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1967.

Địa chỉ cư trú: Số ***, ấp TBH, xã TH, huyện TB, tỉnh ĐT .

Ông Nguyễn Văn Đ có mặt tại phiên tòa; ông Phan Văn K và bà Trần Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ông Nguyễn Văn Đ có tham gia 08 dây hội do bà Trần Thị Thanh T và ông Phan Văn K làm chủ, cụ thể:

- Dây hội 3.000.000 đồng/tháng, mở hội ngày 30/8/2018 âm lịch (09/10/2018 dương lịch), không xác định được ngày kết thúc hội, gồm có 28

phần, ông Đ tham gia 02 phần, ông Đ đã góp được 20 lần với số tiền 120.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng cho bà T, ông K số tiền 4.000.000 đồng, còn lại số tiền 116.000.000 đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 06/12/2018 âm lịch (11/01/2019 dương lịch), không xác định được ngày kết thúc hụi, gồm có 28 phần, ông Đ tham gia 02 phần, ông Đ đã góp được 16 lần với số tiền 64.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng cho bà T, ông K số tiền 2.000.000 đồng, còn lại số tiền 62.000.000 đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 25/02/2019 âm lịch (30/3/2019 dương lịch), không xác định được ngày kết thúc hụi, gồm có 20 phần, ông Đ tham gia 02 phần, ông Đ đã lãnh hụi (không nhớ rõ lãnh hụi với số tiền bao nhiêu), giữa ông Đ và bà T, ông K thống nhất ông Đ còn nợ lại số tiền hụi chết là 24.000.000 đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 15/5/2019 âm lịch (17/6/2019 dương lịch), không xác định được ngày kết thúc hụi, gồm có 24 phần, ông Đ tham gia 02 phần, ông Đ đã lãnh hụi (không nhớ rõ lãnh hụi với số tiền bao nhiêu), giữa ông Đ và bà T, ông K thống nhất ông Đ còn nợ lại số tiền hụi chết là 52.000.000 đồng.

- Dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 16/5/2019 âm lịch (18/6/2019 dương lịch), không xác định được ngày kết thúc hụi, gồm có 21 phần, ông Đ tham gia 01 phần, ông Đ đã góp được 11 lần, ông Đ và bà T, ông K thống nhất bà T, ông K nợ ông Đ số tiền hụi là 26.000.000 đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 26/10/2019 âm lịch (22/11/2019 dương lịch), không xác định được ngày kết thúc hụi, gồm có 32 phần, ông Đ tham gia 01 phần, ông Đ đã góp được 06 lần, ông Đ và bà T, ông K thống nhất bà T, ông K nợ ông Đ số tiền hụi là 9.000.000 đồng.

- Dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 10/11/2019 âm lịch (05/12/2019 dương lịch), không xác định được ngày kết thúc hụi, gồm có 21 phần hụi, ông Đ tham gia 01 phần, ông Đ đã góp được 05 lần, ông Đ và bà T, ông K thống nhất bà T, ông K nợ ông Đ số tiền hụi là 11.690.000 đồng.

- Dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 29/5/2019 âm lịch (01/7/2019 dương lịch), không xác định được ngày kết thúc hụi, ông Đ lãnh kỳ hụi cuối, với số tiền 65.000.000 đồng, ông K, bà T đã giao cho ông Đ số tiền 35.000.000 đồng, ông Đ và bà T, ông K thống nhất bà T, ông K nợ ông Đ số tiền hụi là 30.000.000 đồng

Tháng 5/2020, ông K và bà T tuyên bố vỡ hụi, ông K và bà T có làm giấy tay xác định nợ ông Đ số tiền hụi là 178.690.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu ông Phan Văn K và bà Trần Thị Thanh T trả cho ông Đ số tiền hụi là 178.690.000 đồng (Một trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

- Bị đơn ông Phan Văn K và bà Trần Thị Thanh T không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc ông Phan Văn K và bà Trần Thị Thanh T trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền hui là 178.690.000 đồng (Một trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- 07 Danh sách hui (Bản photo).
- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (Bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự hui*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phan Văn K và bà Trần Thị Thanh T cư trú tại số ***, ấp TBH, xã TH, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Phan Văn K và bà Trần Thị Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông K, bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu ông Phan Văn K và bà Trần Thị Thanh T trả cho ông Đ tiền nợ hui là 178.690.000 đồng (Một trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Xét thấy, sau khi thống nhất về hình thức hui, điều kiện làm thành viên, điều kiện làm chủ hui thì giữa ông Nguyễn Văn Đ và ông Phan Văn K, bà Trần Thị Thanh T đã xác lập giao dịch dân sự về hui. Tại thời điểm xác lập giao dịch về hui, ông Đ và ông K, bà T có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực

hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật. Do đó, khi xác lập giao dịch về hui thì ông Đ và ông K, bà T đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết giao dịch về hui được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên giao dịch về hui giữa ông Đ và ông K, bà T có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 117 và Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015.

Ông Đ xác định, ông Đ có tham gia 08 dây hui của ông K, bà T. Theo thỏa thuận, dây hui do ông K và bà T mở là hui có lãi và hưởng hoa hồng, theo đó, tại các kỳ mở hui thành viên trả lãi cao hơn sẽ được lãnh hui và trả hoa hồng cho chủ hui.

Trong quá trình tham gia hui và thực hiện các giao dịch về hui, ông Đ xác định, tháng 5/2020 thì ông K và bà T tuyên bố vỡ hui và có lập giấy xác nhận số tiền nợ hui của ông Đ là 178.690.000 đồng. Vì vậy, sau khi tuyên bố vỡ hui thì ông K và bà T có nghĩa vụ trả lại phần tiền hui đã góp và phần tiền lãi theo thỏa thuận của từng dây hui cho ông Đ. Ông Đ trình bày đã nhiều lần yêu cầu ông K và bà T trả khoản tiền nợ hui nhưng ông K và bà T không trả. Như vậy, có cơ sở xác định ông Phan Văn K và bà Trần Thị Thanh T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ hui cho ông Nguyễn Văn Đ theo thỏa thuận được quy định tại khoản 1 Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng cho ông Phan Văn K và bà Trần Thị Thanh T nhưng ông K, bà T không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án. Do đó, ông K, bà T phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với khoản tiền nợ hui theo yêu cầu của ông Đ.

Từ những phân tích trên, ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu ông Phan Văn K và bà Trần Thị Thanh T trả cho ông Đ số tiền nợ hui là 178.690.000 đồng (Một trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình về quan điểm giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ nên ông Phan Văn K và bà Trần Thị Thanh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 117, khoản 1 Điều 351, Điều 357, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc ông Phan Văn K và bà Trần Thị Thanh T trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền nợ hui là 178.690.000 đồng (Một trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Ông Phan Văn K và bà Trần Thị Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.935.000 đồng (Tám triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.475.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BI/2019/0002199 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Hồng Biên